

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2021/HN&GD-ST**

Ngày: 31-3-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Đinh Thị Hạnh.

2/ Bà Lê Hoàng Mỹ Dung.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Linh.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 546/2020/TLST-HN&GD ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Số nhà 38, đường Duy Tân, khu phố 3, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Số nhà 38, đường Duy Tân, khu phố 3, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Y trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Y và ông T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VX; sau khi kết hôn thì ông bà chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có suy nghĩ ích kỷ, có lúc đánh đập bà Y, ông bà không cùng quan điểm sống, ngày càng không hợp nhau; trước đây bà Y đã nộp đơn ly hôn ông T, qua hòa giải bà Y muốn để cho ông T thêm cơ hội sửa chữa nên

đã rút đơn khởi kiện, tuy nhiên thời gian sau khi bà Y rút đơn khởi kiện thì quan hệ tình cảm vợ chồng giữa bà Y với ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên bà Y đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn ông T.

Về con chung: Bà Y và ông T có với nhau 01 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 30/12/2010; bà Y yêu cầu được quyền nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.500.000đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Thanh T trình bày:* Quan hệ hôn nhân và con chung như bà Y trình bày là đúng. Cuộc sống hôn nhân của ông và bà Y hạnh phúc, ít khi phát sinh mâu thuẫn; ông T không hiểu lý do tại sao mà bà Y lại nhiều lần gửi đơn xin ly hôn ông T, khi Tòa án hòa giải thì bà Y lại rút đơn; nay bà Y lại tiếp tục gửi đơn xin ly hôn thì ông T cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật; ông T không muốn ly hôn bà Y.

Về con chung như bà Y trình bày là đúng. Nếu xảy ra việc hai bên ly hôn nhau thì ông T yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ thì ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với ông Huỳnh Thanh T, yêu cầu được quyền nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 750.000đồng/tháng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Y. Tuy nhiên. Nếu con chung có nguyện vọng ở với bà Y thì ông T tôn trọng ý kiến của con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, cụ thể:

Về hôn nhân: Bà Y ly hôn ông T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 30/12/2010. Ông Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 750.000đồng/tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 4/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T có quyền thăm nom con chung.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Huỳnh Thanh T; ông T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 3, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 1/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn VX cấp vào ngày 19/11/2009, có căn cứ khẳng định bà Y và ông T đã kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VX. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà Y và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì bà Y và ông T sống chung tại khu phố 3, thị trấn VX, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà Y là do ông T có suy nghĩ ích kỷ, có lúc đánh đập bà Y, ông bà không cùng quan điểm sống và ngày càng không hợp nhau; bà Y cho rằng giữa bà và ông T hiện tại không còn quan hệ như vợ chồng, hai bên đã ly thân, thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, qua hòa giải và tại phiên tòa bà Y đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn ông T; quá trình hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa, ông T cũng thừa nhận có đôi khi giữa ông và bà Y cũng xảy ra mâu thuẫn trong sinh hoạt, điều này cho thấy rằng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Y và ông T là có thật.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 10, quyển số 01/2011, có căn cứ khẳng định cháu Huỳnh Thanh H, sinh ngày 30/12/2010 là con chung của bà Y và ông T; tại thời điểm giải quyết ly hôn thì cháu H đã trên 7 tuổi; tại bản khai, cháu H nêu nguyện vọng sống với bà Y sau khi cha mẹ ly hôn.

Sau khi ly hôn, bà Y và ông T đều yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, công việc và thu nhập hiện tại của bà Y ổn định, cháu Hòa còn ở độ tuổi trẻ em, cho nên việc cháu được sống chung với mẹ (bà Y) thì đời sống vật chất và tinh

thần của cháu sẽ ổn định và cháu sẽ phát triển tốt hơn. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà Y quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hòa. Ông T không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông T vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Y yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 750.000đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

Tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con như sau:

*“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”.*

Tại phiên tòa, ông T khẳng định ông có sức khỏe, có khả năng lao động và ông có công việc, thu nhập tương đối ổn định; do đó, việc bà Y yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều luật đã được viện dẫn. Căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của con chung và khả năng thu nhập thực tế của ông T, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho con, bà Y yêu cầu ông T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng là 750.000đ/tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 4/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ trong vụ án này.

Trường hợp bà Y và ông T không tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung và phân chia nghĩa vụ trả nợ chung (nếu có) và phát sinh tranh chấp thì ông bà có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn Huỳnh Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y.

**1. Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Y ly hôn ông Huỳnh Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 1/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn VX cấp vào ngày 19/11/2009, cấp cho bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Thanh T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Giao cho bà Nguyễn Thị Y quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 30/12/2010.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Ông Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (Huỳnh Thanh Hòa) hàng tháng với số tiền 750.000đồng/tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 4/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, bà Nguyễn Thị Y có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

**4. Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung.**

**5. Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004234 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà Nguyễn Thị Y đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con).

6. Các Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/3/2021), để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nội nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. VX;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**MAI THUẬN**